

TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ - KỸ THUẬT
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
KHOA THIẾT KẾ THỜI TRANG VÀ CHĂM SÓC SẮC ĐẸP

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

NGÀNH, NGHỀ: NGÀNH CÔNG NGHỆ MAY

MÃ NGÀNH, NGHỀ: 5540204

TRÌNH ĐỘ: TRUNG CẤP

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 404/QĐ-CDKTKT ngày 20 tháng 7 năm 2026
của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh)*

NĂM 2026



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Ngành: Công nghệ may

Mã ngành: 5540204

Trình độ đào tạo: Trung cấp

Hình thức đào tạo: Chính quy

Đối tượng tuyển sinh: Học sinh đã tốt nghiệp Trung học cơ sở (THCS) hoặc tương đương

Thời gian khóa học: 2 năm học

1. Giới thiệu chương trình/ mô tả ngành, nghề đào tạo:

Công nghệ may trình độ trung cấp là ngành, nghề nhằm đáp ứng nhu cầu may mặc của con người với những sản phẩm đa dạng được thực hiện từ quá trình nghiên cứu thiết kế mẫu sản xuất, cắt, may, hoàn thiện... thông qua hệ thống tổ chức quản lý sản xuất theo dây chuyền công nghiệp, đảm bảo về tiêu chuẩn kỹ thuật của sản phẩm, đáp ứng yêu cầu bậc 4 trong Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

Người học ngành Công nghệ may có thể trực tiếp làm các vị trí trong doanh nghiệp từ thiết kế mẫu sản xuất, xây dựng tài liệu kỹ thuật, may mẫu, triển khai sản xuất, tham gia hoặc điều hành các công đoạn may dây chuyền, kiểm tra chất lượng toàn diện nhằm đảm bảo về tiêu chuẩn kỹ thuật của sản phẩm. Nhiệm vụ chính của ngành, nghề là: Thiết kế mẫu sản xuất, tổ chức triển khai sản xuất đảm bảo về các tiêu chuẩn của sản phẩm.

Ngành, nghề Công nghệ may thực hiện trong điều kiện môi trường chuyên nghiệp với trang thiết bị máy móc hiện đại như: máy may điện tử, máy ép mex công nghiệp, thiết bị là hiện đại, phần mềm thiết kế, nháy mẫu, giác sơ đồ... đáp ứng tiêu chuẩn chất lượng, yêu cầu khắt khe của thị trường.

Tốt nghiệp ngành, nghề Công nghệ may trình độ trung cấp người học có đủ khả năng làm việc tại các doanh nghiệp đúng chuyên ngành

2. Mục tiêu đào tạo:

2.1. Mục tiêu chung:

Chương trình đào tạo trung cấp nghề ngành Công nghệ may được xây dựng với mục tiêu đào tạo kỹ thuật viên, công nhân kỹ thuật có trình độ trung cấp, có đạo đức và lương tâm nghề nghiệp, có thái độ hợp tác với đồng nghiệp, có đủ điều kiện sức khỏe nhằm tạo điều kiện cho người lao động có khả năng tìm việc làm, đồng thời có khả năng học tập nâng cao ở bậc cao hơn, để đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

Chương trình được xây dựng với mục tiêu chuẩn bị cho người học lượng kiến thức và kỹ năng có thể tham gia vào các vị trí công việc tại doanh nghiệp. Những nội dung cơ bản người học được đào tạo bao gồm về thiết kế và cắt may các loại trang phục từ đơn giản đến phức tạp, quần áo sơ mi nam, nữ và áo Jacket, đọc và lập bản vẽ chuyên ngành, kết cấu sản phẩm, quy cách tiêu chuẩn đường may và phương pháp lắp ráp sản phẩm, kiểm tra phân loại nguyên liệu, phụ liệu chuẩn bị sản xuất, tính toán định mức nguyên vật liệu, kiểm tra chất lượng sản phẩm, nháy mẫu giác sơ đồ trên máy tính.

2.2. Mục tiêu cụ thể:

2.2.1. Kiến thức:

2.2.1.1. Kiến thức đại cương

THÀNH
TRƯỜNG
CAO ĐẲNG
KỸ THUẬT
THÀNH
HỒ CHÍ MINH

10 A

- Biết được các kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất trong học tập, rèn luyện, lao động và các hoạt động khác;
- Biết được các kiến thức về công nghệ thông tin cơ bản;
- Biết được các kiến thức về ngoại ngữ cơ bản.

2.2.1.2. Kiến thức cơ sở ngành

- Phân tích và đánh giá được giá trị thẩm mỹ của màu sắc từ đó ứng dụng màu sắc lên các họa tiết trang trí trên trang phục;
- Trình bày được các nguyên tắc đảm bảo an toàn điện trong lao động sản xuất.
- Trình bày được quy trình vận hành các thiết bị may, thiết bị tự động, bán tự động, dụng cụ may công nghiệp.
- Phân tích được đặc điểm hình dáng, kết cấu sản phẩm thông qua mẫu hình ảnh, tài liệu kỹ thuật, sản phẩm mẫu.
- Phân tích được đặc điểm hình dáng, nhân trắc cơ thể người.

2.2.1.3. Kiến thức chuyên ngành

- Nhận biết được các điều kiện cần thiết cho quá trình thiết kế, may mẫu và giác sơ đồ;
- Phân tích được các tính chất, cách bảo quản nguyên vật liệu may;
- Trình bày được quy trình thiết kế mẫu rập, mẫu triển khai sản xuất;
- Trình bày được phương pháp nhảy mẫu giữa các cỡ;
- Trình bày được quy trình xây dựng tài liệu kỹ thuật;
- Trình bày được phương pháp lập hàng màu;
- Trình bày được quy trình may mẫu chế thử, mẫu đối và mẫu triển khai sản xuất cho các sản phẩm như: Áo sơ mi, quần âu, áo jacket, váy;
- Trình bày được quy trình, phương pháp kiểm tra chất lượng sản phẩm may;
- Trình bày được một số dạng sai hỏng trong quá trình thiết kế rập, may mẫu, may dây chuyền;
- Trình bày được quy trình áp dụng 5S trong công đoạn, vị trí thực hiện

2.2.2. Kỹ năng:

2.2.2.1. Kỹ năng cứng

- Sử dụng thành thạo các thiết bị may, thiết bị tự động, bán tự động dụng cụ, cữ gá may công nghiệp;
- Thiết kế được các sản phẩm như áo sơ mi, quần âu, áo jacket, váy bằng phương pháp thiết kế trên giấy, manocanh;
- Nhảy mẫu chính xác giữa các cỡ cho sản phẩm đơn giản;
- Ứng dụng linh hoạt các phương pháp giác sơ đồ cho sản phẩm đảm bảo đạt yêu cầu kỹ thuật;

- Xây dựng được tài liệu kỹ thuật may, trải vải cắt bán thành phẩm, là ép, bao gói hòm hộp;
- Lập được bảng màu, quy trình may sản phẩm;
- May mẫu chề thủ, mẫu đôi và mẫu triển khai sản xuất đúng quy trình đạt yêu cầu kỹ thuật đối với các sản phẩm đơn giản;
- Kiểm tra, đánh giá chất lượng sản phẩm may, nguyên phụ liệu đầu vào, trải vải cắt bán thành phẩm, là ép, hoàn thiện đảm bảo đúng tiêu chuẩn kỹ thuật;
- Xử lý được một số dạng sai hỏng trong quá trình thiết kế rập, may mẫu;
- Triển khai được quy trình áp dụng 5S trong công đoạn, vị trí thực hiện;
- Ghi được nhật ký cũng như báo cáo công việc, tiến độ công việc;

2.2.2.2. Kỹ năng mềm

- Ứng dụng được tiếng Anh vào công việc chuyên môn của ngành, nghề.
- Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; ứng dụng công nghệ thông tin trong công việc chuyên môn của ngành, nghề.
- Giao tiếp hiệu quả; giải quyết vấn đề một cách sáng tạo, làm việc nhóm và quản lý thời gian hiệu quả; thích nghi với môi trường làm việc trong tương lai.

2.2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Tự tin trong giao tiếp, thuyết trình và làm việc nhóm;
- Có trách nhiệm trong việc tiếp nhận, phân tích xử lý công việc từ các bộ phận;
- Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, thực hiện công việc trong điều kiện làm việc thay đổi;
- Đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm;
- Chấp hành nghiêm quy định về bảo hộ lao động, an toàn lao động và phòng cháy chữa cháy;
- Có ý thức học tập, rèn luyện để nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp.

3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp:

- Nhân viên thiết kế mẫu sản xuất
- Nhân viên may mẫu,
- Nhân viên giác sơ đồ,
- Nhân viên xây dựng tài liệu kỹ thuật;
- Nhân viên may dây chuyền
- Nhân viên kiểm tra chất lượng sản phẩm;
- Nhân viên tư vấn, tiếp thị sản phẩm may và thời trang.

4. Khối lượng kiến thức và thời gian học tập:

- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 1710 giờ, (tương đương 60 tín chỉ)
- Số lượng môn học, mô đun: 26
- Khối lượng các môn học chung: 255 giờ, (tương đương 11 tín chỉ)
- Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: 1455 giờ (tương đương 49 tín chỉ)
- Khối lượng lý thuyết: 431 giờ (25%);
- Khối lượng thực hành, thực tập: 1279 giờ (75%).

5. Bảng tổng hợp năng lực ngành, nghề:

TT	Mã năng lực	Tên năng lực
I	Năng lực cơ bản (năng lực chung)	
1	NLCB-01	Vận dụng các nội dung đã học để rèn luyện phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống; thực hiện quan điểm, đường lối của Đảng và thực hiện tốt chính sách, pháp luật của Nhà nước.
2	NLCB-02	Tôn trọng, sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật; tự chủ được các hành vi của mình trong các mối quan hệ liên quan các nội dung đã được học, phù hợp với quy định của pháp luật và các quy tắc ứng xử chung của cộng đồng và của xã hội.
3	NLCB-03	Tự giác và hình thành thói quen tập luyện thể dục thể thao hàng ngày để góp phần bảo đảm sức khỏe trong học tập, lao động và trong các hoạt động khác.
4	NLCB-04	Luôn có cảnh giác cao trước những âm mưu thủ đoạn của các thế lực thù địch; chấp hành tốt mọi đường lối chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác quốc phòng và an ninh; Sẵn sàng tham gia xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, các hoạt động xã hội góp phần xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc.
5	NLCB-05	Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 1/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào một số công việc chuyên môn của ngành, nghề.
6	NLCB-06	Ứng dụng được Tin học căn bản trong học tập, làm việc và đời sống.
II	Năng lực cốt lõi (năng lực chuyên môn)	
1	NLCL-01	Phân tích và đánh giá được giá trị thẩm mỹ của màu sắc từ đó ứng dụng màu sắc lên các họa tiết trang trí trên trang phục
2	NLCL-02	Áp dụng và tổ chức các biện pháp an toàn điện và vệ sinh lao động trong sản xuất dân dụng và công nghiệp
3	NLCL-03	Vận hành và sửa chữa được một số thiết bị may cơ bản
4	NLCL-04	Thực hiện được mẫu vẽ mô tả phẳng theo yêu cầu
5	NLCL-05	Vận dụng các nguyên tắc trong thiết kế tạo ra các mẫu trang phục biến kiểu

III Năng lực nâng cao		
1	NLNC-01	Cắt và may được các bán thành phẩm của chi tiết túi áo, túi quần
2	NLNC-02	Thực hiện được các tài liệu kỹ thuật có liên quan cho đơn hàng
3	NLNC-03	Kiểm tra được chất lượng sản phẩm may theo đúng qui trình
4	NLNC-04	Tính toán tác nghiệp về định mức của sơ đồ, thực hiện nhảy size, giác sơ đồ đúng thông số, kiểu dáng của sản phẩm theo từng loại nguyên liệu khác nhau
5	NLNC-05	Thiết kế rập, nhảy size và giác sơ đồ trên máy vi tính theo yêu cầu của mã hàng
6	NLNC-06	Đọc được tài liệu chuyên ngành may
7	NLNC-07	Thiết kế và cắt may được các sản phẩm may cơ bản và thời trang nam đạt yêu cầu kỹ thuật
8	NLNC-08	Cắt được các chi tiết bán thành phẩm đúng canh sợi
9	NLNC-09	May được các sản phẩm may cơ bản và thời trang nữ đạt yêu cầu kỹ thuật
10	NLNC-10	Có kỹ năng thực hành và tham gia sản xuất thực tiễn ở các công đoạn tại doanh nghiệp.
11	NLNC-11	Thiết kế và cắt may được áo dài căn bản và áo dài biến kiểu theo yêu cầu
12	NLNC-12	Vẽ mô tả phẳng được các dạng trang phục bằng phần mềm corel draw
13	NLNC-13	Xây dựng được mô hình kinh doanh khởi nghiệp ngành may
14	NLNC-14	Thiết kế và cắt may bộ sưu tập thời trang
15	NLNC-15	Thiết kế được một số dạng phụ kiện thời trang phù hợp với trang phục
16	NLNC-16	Cắt và may được hoàn chỉnh áo Jacket áo 1 lớp, 2 lớp đạt yêu cầu kỹ thuật

6. Nội dung chương trình:

STT	Mã MH/MĐ	Tên môn học/mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
				Tổng số	Trong đó		
					Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/ /bài tập/thảo luận	Kiểm Tra
I	Các môn học chung		11	255	94	148	13
1	MH2108019	Giáo dục chính trị	2	30	15	13	2
2	MH2108103	Pháp Luật	1	15	9	5	1
3	MH2109105	Giáo dục thể chất	1	30	4	24	2
4	MH2109020	Giáo dục Quốc phòng và an ninh	2	45	21	21	3
5	MH2072600	Tiếng Anh	3	90	30	56	4
6	MH2101260	Tin học	2	45	15	29	1
II	Các môn học, mô đun chuyên môn		49	1455	306	1106	43
II.1	Môn học, mô đun cơ sở		11	240	88	141	11
1	MĐ2062600	Vẽ mỹ thuật trang phục	3	75	15	57	3
2	MH2062601	An toàn lao động	2	30	28	0	2
3	MĐ2062602	Thiết bị may	2	45	15	28	2
4	MH2062603	Vẽ kỹ thuật ngành may	2	45	15	28	2
5	MH2062604	Cơ sở thiết kế trang phục	2	45	15	28	2
II.2	Môn học, mô đun chuyên môn		29	975	181	771	23
1	MĐ2062605	Thực tập kỹ thuật may cơ bản	2	90	0	88	2
2	MH2062606	Công nghệ sản xuất	3	75	30	43	2
3	MH2062607	Quản lý chất lượng trang phục	2	30	28	0	2
4	MĐ2062608	Nhảy mẫu và giác sơ đồ	2	90	8	80	2
5	MĐ2062609	Thiết kế- Nhảy size- Giác sơ đồ trên máy tính	2	90	8	80	2
6	MH2062610	Anh văn chuyên ngành may	4	60	57	0	3
7	MĐ2062611	Thực tập cắt may trang phục nam	2	90	8	80	2
8	MH2062612	Thiết kế trang phục nữ	3	45	42	0	3
9	MĐ2062613	Thực tập cắt may trang phục nữ	3	135	8	125	2
10	MĐ2062614	Thực tập tốt nghiệp	6	270	0	268	2
II.3	Môn học, mô đun tự chọn		9	240	37	194	9
II.3.1	Tự chọn 1 (3 TC)		3	90	7	80	3
1	MĐ2062615	Kỹ thuật cắt may áo dài	3	90	7	80	3
2	MĐ2062616	Đồ họa trang phục (corel draw)	3	90	7	80	3
II.3.2	Tự chọn 2 (6 TC)		6	150	30	114	6
1	MĐ2062617	Khóa luận tốt nghiệp	6	270	0	268	2
2	MD2062618	Thiết kế phụ kiện thời trang	3	75	15	57	3
3	MĐ2062619	Kỹ thuật cắt may áo jacket	3	75	15	57	3
	Tổng cộng		60	1710	400	1254	56

7. Hướng dẫn sử dụng chương trình:

7.1. Các môn học chung bắt buộc thực hiện theo Quy định của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.

- Khối lượng học tập đối với các môn học chung theo quy định được quy đổi thành tín chỉ tại Phụ lục 05 của Thông tư 01/2024/TT-BLĐTBXH ngày 19 tháng 2 năm 2024 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội quy định quy trình xây dựng thẩm định và ban hành chương trình đào tạo; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định, duyệt và sử dụng giáo trình trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;

- Môn Giáo dục Chính trị thực hiện theo Thông tư số 24/2018/TT-BLĐTBXH ngày 06 tháng 12 năm 2018 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội Ban hành Chương trình môn học Giáo dục Chính trị thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;

- Môn Pháp luật thực hiện theo Thông tư số 13/2018/TT-BLĐTBXH ngày 06 tháng 12 năm 2018 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội Ban hành Chương trình môn học Pháp luật thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;

- Môn Giáo dục thể chất thực hiện theo Thông tư số 12/2018/TT-BLĐTBXH ngày 06 tháng 12 năm 2018 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội Ban hành Chương trình môn học Giáo dục thể chất thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;

- Môn Giáo dục Quốc phòng và An ninh thực hiện theo Thông tư số 10/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26 tháng 9 năm 2018 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội Ban hành Chương trình môn học Giáo dục Quốc phòng và An ninh thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;

- Môn Tin học thực hiện theo Thông tư số 11/2018/TT-BLĐTBXH ngày 06 tháng 12 năm 2018 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội Ban hành Chương trình môn học Tin học thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;

- Môn Tiếng Anh thực hiện theo Thông tư số 03/2019/TT-BLĐTBXH ngày 17 tháng 01 năm 2019 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội Ban hành Chương trình môn học Tiếng Anh thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

7.2. Tổ chức thực hiện chương trình đào tạo:

- Chương trình đào tạo được tổ chức thực hiện theo phương thức tích lũy mô đun, tín chỉ của Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/3/2022 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội.

- Việc tổ chức giảng dạy các môn học, mô đun được thực hiện theo Kế hoạch phân bổ môn học, mô đun (BM đính kèm).

7.3. Tổ chức kiểm tra, đánh giá thường xuyên, định kỳ và thi kết thúc môn học, mô đun:

- Phương pháp, thời gian tổ chức kiểm tra thường xuyên, định kỳ, thi kết thúc môn học, mô đun được xác định và có hướng dẫn cụ thể theo từng chương trình môn học, chương trình mô đun.

- Thời gian kiểm tra trên lớp tính trong khối lượng của môn học, kiểm tra lý thuyết tính vào giờ lý thuyết; thời gian kiểm tra thực hành, tích hợp tính vào giờ thực hành.

7.4. Thực tập tại doanh nghiệp, thực tập tốt nghiệp:

- Người học phải tích lũy 40 tín chỉ mới được đi thực tập doanh nghiệp, thực tập tốt nghiệp.

- Người học có thể làm khóa luận (nếu có) hoặc học các môn thay thế (Điều kiện làm khóa luận: Điểm trung bình chung tích lũy hệ 4 học kì 3 từ 2.5 đến 3.19 và không có môn thi dưới 5 điểm).

7.5. Xét công nhận tốt nghiệp:

- Người học phải tích lũy đủ số tín chỉ quy định trong chương trình đào tạo và thỏa mãn các điều kiện được quy định tại quy chế đào tạo hiện hành thì mới được xét tốt nghiệp.

- Ngoài những môn học, mô đun trong chương trình đào tạo, người học cần phải đạt chuẩn đầu ra tin học, ngoại ngữ, kỹ năng mềm theo quy định của nhà trường.

- Hiệu trưởng căn cứ vào kết quả học tập của người học, biên bản họp xét điều kiện tốt nghiệp của Hội đồng xét tốt nghiệp trình độ trung cấp và các qui định liên quan để quyết định công nhận và cấp bằng tốt nghiệp cho người học theo qui định.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TRƯỞNG PHÒNG
QUẢN LÝ ĐÀO TẠO & NCKH

P.TRƯỞNG KHOA



[Signature]

[Signature]

Nguyễn Thị Lệ Trinh

Phạm Thị Hiền

Phan Văn Thanh Cẩn